

Số: 12/2014/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 22 tháng 7 năm 2014

NGHỊ QUYẾT

**Về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hoá
đối với một số cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 39/TTr-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2014 về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 59/BC-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2014 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Cây trồng, vật nuôi có tiềm năng, lợi thế phát triển của tỉnh được sản xuất theo hướng hàng hoá tập trung, có thị trường tiêu thụ, gồm:

- Cây chè đặc sản (*Shan tuyết, Kim tuyên, Phúc vân tiên*).
- Cây mía.
- Cây cam sành.
- Trâu sinh sản, trâu đực giống.

- Cá đặc sản (cá Chiên, cá Lăng Chấm, cá Bống, cá Dầm Xanh, cá Anh Vũ, cá Tầm).

2. Đối tượng áp dụng

Hộ gia đình, cá nhân (sau đây gọi chung là hộ gia đình); doanh nghiệp, Hợp tác xã, tổ hợp tác (sau đây gọi là tổ chức) tổ chức sản xuất hàng hoá một số loại cây trồng, vật nuôi có tiềm năng, lợi thế quy định tại khoản 1 Nghị quyết này, theo Đề án, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Chính sách hỗ trợ

3.1. Chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn (hỗ trợ lãi suất 01 lần)

- a) Cây chè đặc sản: Đầu tư trồng mới, đầu tư chăm sóc, đầu tư chế biến sản phẩm.
- b) Cây mía: Đầu tư trồng mới.
- c) Cây cam sành: Đầu tư xây dựng vườn ươm sản xuất giống; đầu tư xây dựng kho lạnh bảo quản cam quả; đầu tư trồng mới, trồng lại; đầu tư chăm sóc.
- d) Con trâu: Đầu tư nuôi trâu sinh sản; đầu tư nuôi trâu đực giống.
- đ) Con cá: Đầu tư nuôi cá đặc sản bằng lồng trên sông, hồ thủy điện, hồ thủy lợi; đầu tư nuôi cá tại ao, hồ nhỏ theo tiêu chuẩn VietGAP.

(Chi tiết danh mục hỗ trợ lãi suất tiền vay tại Phụ lục 1 kèm theo)

3.2. Chính sách hỗ trợ đầu tư

- a) Cây chè đặc sản: Hỗ trợ bình tuyển cây đầu dòng; hỗ trợ xây dựng vườn ươm giống; hỗ trợ đánh giá và cấp Giấy chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP.
- b) Cây cam sành: Hỗ trợ xây dựng vườn ươm giống; hỗ trợ đánh giá và cấp Giấy chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP.
- c) Con cá nuôi tại ao, hồ nhỏ: Hỗ trợ đánh giá và cấp Giấy chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP.
- d) Hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu, đăng ký chất lượng sản phẩm; xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm đối với các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp.

(Chi tiết danh mục hỗ trợ đầu tư tại Phụ lục 2 kèm theo)

Điều 2. Trong cùng thời gian, một số cây trồng, vật nuôi có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác nhau, thì tổ chức, hộ gia đình được lựa chọn áp dụng chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

Điều 3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 13/2009/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2009 và Nghị quyết số 40/2011/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII về cơ chế, chính sách hỗ trợ các dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trong vùng sản xuất hàng hóa tập trung đến năm 2015.

Điều 4. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khoá XVII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 22 tháng 7 năm 2014./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Sáng Vàng

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC NỘI DUNG ĐƯỢC HỖ TRỢ 01 LẦN LÃI SUẤT TIỀN VAY

(Kèm theo Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

STT	Lĩnh vực	Nội dung cụ thể	Điều kiện được hỗ trợ lãi suất tiền vay	Mức cho vay có hỗ trợ lãi suất	Thời gian cho vay tối đa	Thời gian được hỗ trợ lãi suất tiền vay	Mức hỗ trợ lãi suất tiền vay
1	Cây chè đặc sản	Hỗ trợ đầu tư trồng mới	- Hộ gia đình sản xuất chè đặc sản trên diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đất sử dụng ổn định, lâu dài không có tranh chấp được cấp có thẩm quyền xác nhận hoặc đất được giao, được thuê thuộc vùng quy hoạch theo Đề án phát triển chè đặc sản được phê duyệt. - Quy mô diện tích $\geq 0,1$ ha/hộ.	- Định mức cho vay 50 triệu đồng/ha; - Mức cho vay có hỗ trợ lãi suất tối đa 50 triệu đồng/hộ	60 tháng (5 năm)	Theo thời gian vay vốn, nhưng tối đa không quá 36 tháng (3 năm)	- Hộ nghèo: 100%; - Hộ cận nghèo: 70%; - Hộ khác: 50%.
		Hỗ trợ đầu tư chăm sóc	Diện tích chè đặc sản hiện có do hộ gia đình quản lý hoặc diện tích chè đặc sản trồng mới nhưng chưa được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết này.	- Định mức cho vay 6 triệu đồng/ha; - Mức cho vay có hỗ trợ lãi suất tối đa 50 triệu đồng/hộ.	12 tháng (1 năm)	Theo thời gian vay vốn, nhưng tối đa không quá 12 tháng (1 năm)	- Hộ nghèo: 100%; - Hộ cận nghèo: 70%; - Hộ khác: 50%.
		Hỗ trợ đầu tư chế biến sản phẩm	Hỗ trợ hộ gia đình đầu tư máy sao chè: Hộ gia đình có nhu cầu chế biến chè tại vùng trồng chè đặc sản thuộc vùng quy hoạch theo Đề án phát triển chè đặc sản được phê duyệt.	- Định mức cho vay 20 triệu đồng/máy; - Mức cho vay có hỗ trợ lãi suất tối đa 50 triệu đồng/hộ.	60 tháng (5 năm)	Theo thời gian vay vốn, nhưng tối đa không quá 36 tháng (3 năm)	- Hộ nghèo: 100%; - Hộ cận nghèo: 70%; - Hộ khác: 50%.

STT	Lĩnh vực	Nội dung cụ thể	Điều kiện được hỗ trợ lãi suất tiên vay	Mức cho vay có hỗ trợ lãi suất	Thời gian cho vay tối đa	Thời gian được hỗ trợ lãi suất tiên vay	Mức hỗ trợ lãi suất tiên vay
1	Cây chè đặc sản	Hỗ trợ đầu tư chế biến sản phẩm	Hỗ trợ xây dựng cơ sở chế biến: Tổ chức, hộ gia đình xây dựng cơ sở chế biến chè tại vùng trồng chè đặc sản thuộc vùng quy hoạch theo Đề án phát triển chè đặc sản được phê duyệt; công suất chế biến tối thiểu 02 tấn chè búp tươi/ngày; có dự án được UBND tỉnh phê duyệt.	Mức cho vay có hỗ trợ lãi suất tối đa 2.000 triệu đồng/tổ chức, hộ gia đình.	60 tháng (5 năm)	Theo thời gian vay vốn, nhưng tối đa không quá 36 tháng (3 năm)	50%
2	Cây cam sành	Hỗ trợ vườn ươm cây giống Hỗ trợ xây dựng kho lạnh bảo quản quả	Tổ chức, hộ gia đình trong và ngoài tỉnh đầu tư xây dựng vườn ươm giống cam sành sạch bệnh. Tổ chức, hộ gia đình xây dựng kho lạnh bảo quản cam quả theo đúng thiết kế tiêu chuẩn cơ sở trên địa bàn huyện theo đề án phát triển cây cam được cấp có thẩm quyền phê duyệt	- Định mức cho vay 2 triệu đồng/m ² ; - Mức cho vay có hỗ trợ lãi suất tối đa 2.000 triệu đồng/tổ chức, hộ gia đình.	60 tháng (5 năm)	Theo thời gian vay vốn, nhưng tối đa không quá 36 tháng (3 năm)	50%
				- Định mức cho vay 1,5 triệu đồng/m ² ; - Mức cho vay có hỗ trợ lãi suất tối đa 2.000 triệu đồng/tổ chức, hộ gia đình.	60 tháng (5 năm)	Theo thời gian vay vốn, nhưng tối đa không quá 36 tháng (3 năm)	50%

STT	Lĩnh vực	Nội dung cụ thể	Điều kiện được hỗ trợ lãi suất tiền vay	Mức cho vay có hỗ trợ lãi suất	Thời gian cho vay tối đa	Thời gian được hỗ trợ lãi suất tiền vay	Mức hỗ trợ lãi suất tiền vay
2	Cây cam sành	Hỗ trợ đầu tư trồng mới, trồng lại	<p>- Hộ gia đình trồng cam sành trên diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đất sử dụng ổn định, lâu dài không có tranh chấp được cấp có thẩm quyền xác nhận hoặc đất được giao, được thuê thuộc vùng quy hoạch theo đề án phát triển cây cam được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Sử dụng giống cam sành bảo đảm chất lượng, sạch bệnh, do Trung tâm cây ăn quả huyện Hàm Yên và các cơ sở sản xuất giống đáp ứng đủ tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật và được cấp phép cung ứng.</p> <p>- Quy mô diện tích $\geq 0,1$ ha/hộ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Định mức cho vay 30 triệu đồng/ha; - Mức cho vay có hỗ trợ lãi suất tối đa 50 triệu đồng/hộ. 	60 tháng (5 năm)	Theo thời gian vay vốn, nhưng tối đa không quá 36 tháng (3 năm)	<ul style="list-style-type: none"> - Hộ nghèo: 100%; - Hộ cận nghèo: 70%; - Hộ khác: 50%.
		Hỗ trợ đầu tư chăm sóc	<p>Diện tích cam sành hiện có do hộ gia đình quản lý hoặc diện tích cam sành trồng mới nhưng chưa được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết này.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Định mức cho vay 25 triệu đồng/ha; - Mức cho vay có hỗ trợ lãi suất tối đa 50 triệu đồng/hộ. 	12 tháng (1 năm)	Theo thời gian vay vốn, nhưng tối đa không quá 12 tháng (1 năm)	<ul style="list-style-type: none"> - Hộ nghèo: 100%; - Hộ cận nghèo: 70%; - Hộ khác: 50%.
3	Cây mía	Hỗ trợ đầu tư giống để trồng mới	<p>- Hộ trồng mía ký hợp đồng phát triển vùng nguyên liệu với nhà máy đường;</p> <p>- Quy mô diện tích $\geq 0,2$ ha/hộ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Định mức cho vay 10 triệu đồng/ha; - Mức cho vay có hỗ trợ lãi suất tối đa 50 triệu đồng/hộ. 	12 tháng (1 năm)	Theo thời gian vay vốn, nhưng tối đa không quá 12 tháng (1 năm)	<ul style="list-style-type: none"> - Hộ nghèo: 100%; - Hộ cận nghèo: 70%; - Hộ khác: 50%.

STT	Lĩnh vực	Nội dung cụ thể	Điều kiện được hỗ trợ lãi suất tiền vay	Mức cho vay có hỗ trợ lãi suất	Thời gian cho vay tối đa	Thời gian được hỗ trợ lãi suất tiền vay	Mức hỗ trợ lãi suất tiền vay
4	Con trâu	Hỗ trợ chăn nuôi trâu sinh sản	- Mua mới con giống đạt tiêu chuẩn quy định; - Quy mô dự án: + Hộ nghèo, hộ cận nghèo ≥ 2 con/hộ; + Hộ khác ≥ 3 con/hộ.	Mức cho vay có hỗ trợ lãi suất tối đa 50 triệu đồng/hộ	60 tháng (5 năm)	Theo thời gian vay vốn, nhưng tối đa không quá 36 tháng (3 năm)	- Hộ nghèo: 100%; - Hộ cận nghèo: 70%; - Hộ khác: 50%. 100%
		Hỗ trợ chăn nuôi trâu đực giống	- Mua mới con giống đạt tiêu chuẩn quy định; - Quy mô dự án ≥ 1 con/hộ	Mức cho vay có hỗ trợ lãi suất tối đa 50 triệu đồng/hộ	60 tháng (5 năm)		
5	Con cá	Nuôi cá đặc sản bằng lồng trên sông, hồ thủy điện, hồ thủy lợi	- Hộ gia đình đầu tư mới lồng nuôi có kích cỡ theo đúng hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn; - Lồng nuôi có kích thước 9-12m ³ : Quy mô dự án ≥ 2 lồng/hộ.	Mức cho vay có hỗ trợ lãi suất tối đa: - Hộ nghèo, hộ cận nghèo: 50 triệu đồng/hộ (hộ cận nghèo không có dư nợ tại ngân hàng, chính sách, có tài sản thế chấp được vay tối đa 200 triệu đồng); - Hộ khác: 200 triệu đồng/hộ.	36 tháng (3 năm)	Theo thời gian vay vốn, nhưng tối đa không quá 36 tháng (3 năm)	- Hộ nghèo: 100%; - Hộ cận nghèo: 70%; - Hộ khác: 50%. 30%
		Nuôi cá tại ao, hồ nhỏ theo tiêu chuẩn VietGAP	Quy mô nhóm hộ có diện tích ≥ 1 ha liền vùng	Mức cho vay có hỗ trợ lãi suất tối đa 850 triệu đồng/hộ			Theo thời gian vay vốn, nhưng tối đa không quá 12 tháng (1 năm)

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC NỘI DUNG ĐƯỢC HỖ TRỢ 01 LẦN

(Kèm theo Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2014
của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

STT	Lĩnh vực	Nội dung cụ thể	Điều kiện được hỗ trợ	Mức hỗ trợ 01 lần
1	Cây chè đặc sản	Hỗ trợ chi phí bình tuyển cây đầu dòng	Tổ chức thực hiện bình tuyển cây đầu dòng	Tối đa 2,1 triệu đồng/cây
		Hỗ trợ xây dựng vườn đầu dòng	Tổ chức, hộ gia đình đầu tư xây dựng vườn ươm cây giống đầu dòng	Tối đa 200 triệu đồng/vườn
		Hỗ trợ xây dựng vườn ươm giống	Tổ chức, hộ gia đình đầu tư xây dựng vườn ươm cây giống	Tối đa 50 triệu đồng/vườn
		Hỗ trợ chi phí đánh giá và cấp Giấy chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP	Quy mô diện tích ≥ 10 ha/nhóm hộ liên vùng hoặc liên khoảnh	Tối đa 100 triệu đồng/sản phẩm
2	Cây cam sành	Hỗ trợ xây dựng vườn ươm cây giống cho Trung tâm cây ăn quả Hàm Yên	Xây dựng vườn ươm giống cam sành sạch bệnh tại huyện Hàm Yên	Tối đa 2.500 triệu đồng/vườn
		Hỗ trợ chi phí đánh giá và cấp Giấy chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP	- Quy mô diện tích vườn cam: + Nhóm hộ: ≥ 10 ha; + Hộ: ≥ 3 ha; - Diện tích liên vùng hoặc liên khoảnh	Tối đa 100 triệu đồng/sản phẩm
3	Con cá	Hỗ trợ chi phí đánh giá và cấp Giấy chứng nhận sản xuất tại ao, hồ nhỏ theo tiêu chuẩn VietGAP	Quy mô nhóm hộ có diện tích ≥ 1 ha liên vùng	Tối đa 365 triệu đồng/sản phẩm
4	Các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp	Xây dựng nhãn hiệu, đăng ký chất lượng sản phẩm	Những sản phẩm nông nghiệp được quản lý sản xuất (khi sản phẩm được công nhận)	Tối đa 100 triệu đồng/sản phẩm
		Xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm	Tổ chức, hộ gia đình có sản phẩm đã có nhãn hiệu hàng hóa	Mỗi tổ chức, cá nhân được hỗ trợ 01 lần tối đa 4 triệu đồng/hội chợ trong tỉnh; tối đa 10 triệu đồng/hội chợ ngoài tỉnh trong 3 năm liền

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 8